TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2022/HS-ST
Ngày 23-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lương Khoa
2. Ông Phạm Đức Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: **60**/2022/TLST - HS ngày 25 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phạm Thị M**; Tên gọi khác: Trúc; Sinh năm: 1956 tại Khánh Hòa. Nơi đăng ký thường trú: Ấp TP, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã LM, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Buôn bán. Con ông Phạm Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị G, tại phiên tòa bị cáo xác định bà Hoàng Thị G đã chết năm 2019. Chồng: Đặng Văn A, sinh năm 1949 (đã ly hôn). Con: Không. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/11/2014 đến ngày 10/12/2014 được hủy bỏ biện pháp tạm giam (Theo Quyết định số 07/QĐ-QĐ-VKS-HS ngày 10/12/2014 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc). Ngày 06/10/2021, bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã số 07/ĐTHS-MT ngày 05/4/2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc; hiện đang bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay.

(*Có mặt tại phiên tòa*)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, thị trấn Th, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng O**, sinh năm: 1976 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà **Lâm Thị Kim** N1, sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông **Hoàng Văn Q**, sinh năm: 1955 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Thị M làm nghề buôn bán nước giải khát, đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2014, bị cáo M mở quán cà phê "Như Mai" tại ấp Thọ Tân, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Quá trình bán quán nước do ế ẩm nên từ khoảng thời gian giữa tháng 10 năm 2014, bị cáo có thỏa thuận với Phạm Thị D, Nguyễn Thị Hồng O và Lâm Thị Kim N1 vào làm nhân viên phục vụ tại quán của M với điều kiện là D, O và N1 sẽ không lấy tiền công mà D, O và N1 sẽ làm nhiệm vụ bưng bê nước và ngồi nói chuyện với khách, nhằm giúp quán của bị cáo tăng thêm thu nhập. Khi khách tới quán của bị cáo uống nước và có nhu cầu mua dâm thì D, O và N1 sẽ trực tiếp đứng ra thỏa thuận giá cả mua bán dâm với khách. Sau khi thỏa thuận xong thì D, O và N1 sẽ bán dâm cho khách tại phòng ngủ của M và mỗi lần D, O và N1 bán dâm cho khách sẽ chia cho M số tiền 50.000 đồng. Ngoài ra, D, O và N1 còn khai nhận nếu đi bán dâm cho khách tại các nhà nghỉ ngoài địa điểm của quán cà phê "Như Mai" của M thì mỗi lần đi bán dâm về D, O và N1 sẽ chia cho M số tiền 30.000 đồng. Vào lúc 13 giờ ngày 11/11/2014, Nguyễn Văn L đến quán cà phê "Như Mai" của bị cáo uống nước và đặt vấn đề mua dâm thì D đã đứng ra trực tiếp thỏa thuận giá cả mua bán dâm với L, với số tiền là 200.000 đồng cho một lần quan hệ tình dục tại phòng ngủ của bị cáo. Khi D và L đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực Công an vào kiểm tra và phát hiện bắt quả tang.

(Biên bản bắt người phạm tội quả tang, bút lục số 1, 2; Biên bản đối chất: Giữa Phạm Thị M và Lâm Thị Kim N1; giữa Phạm Thị M và Nguyễn Thị Hồng O; giữa Phạm Thị M và Phạm Thị D, bút lục số 35 đến 42; Lời khai của Phạm Thị D, bút lục số 43, 44; Lời khai của Nguyễn Thị Hồng O, bút lục số 51, 52; Lời khai của Nguyễn Văn L, bút lục số 59 đến 61; Lời khai của Lâm Thị Kim N1, bút lục số 67, 68).

*** Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng**:

- 01 (một) bao cao su Vip (đã qua sử dụng); 01 (một) nệm mút kích thước 1m2x200m và 01 (một) gối màu xanh hoa. Tất cả các vật chứng này đã được tiêu hủy (bút lục số 75).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia C1, màu đen, có sim số 0942138884 (thu giữ của bị cáo); 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobi Star, màu trắng, có sim số 0166222984 (thu giữ của Phạm Thị D) và số tiền 800.000 đồng (do ông Hoàng Văn Q là anh của bị cáo tự nguyện giao nộp vào ngày 16/11/2014).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc, bị cáo Phạm Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT-VKSXL ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đã truy tố bị cáo Phạm Thị M về tội "*Chứa mại dâm*" theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 327 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo Phạm Thị M mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

* Đối với hành vi "Môi giới mại dâm", quá trình điều tra không xác định được thời gian, địa điểm và người mua dâm nên không có căn cứ để xử lý đối với Phạm Thị M về hành vi này.

* Đối với hành vi mua bán dâm của Nguyễn Văn L, Phạm Thị D, Lâm Thị Kim N1 và Nguyễn Thị Hồng O, Công an huyện Xuân Lộc đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc tuyên:

- Tịch thu sung công: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia C1, màu đen, có sim số 0942138884 và số tiền 800.000 đồng.

- Trả lại cho Phạm Thị D 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobi Star, màu trắng, có sim số 0166222984.

Bị cáo Phạm Thị M nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào ngày 11/11/2014, tại phòng ngủ của quán cà phê "Như Mai" thuộc ấp Thọ Tân, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; bị cáo Phạm Thị M đã có hành vi cho Phạm Thị D là nhân viên của quán nước bán dâm với Nguyễn Văn L tại phòng ngủ của mình nhằm thu lợi bất chính số tiền 50.000 đồng cho mỗi lần bán dâm thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, Phạm Thị M khai còn nhiều lần cho Phạm Thị D, Nguyễn Thị Hồng O và Lâm Thị Kim N1 đi bán dâm cho khách, tổng số tiền thu lợi bất chính khoảng 800.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị

M đã phạm vào tội *"Chứa mại dâm"* theo quy định tại Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tuy nhiên, về hình phạt đối với tội "Chứa mại dâm" được quy định tại Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhẹ hơn so với hình phạt quy định tại Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội (khóa XIV) về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ áp dụng Điều 327 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Phạm Thị M về hành vi "*Chứa mại dâm*" như đã nêu trên.

[3] - Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn trật tự tại địa phương; xâm phạm đạo đức xã hội và thuần phong mỹ tục của dân tộc; gây bức xúc trong quần chúng nhân dân; là nguyên nhân phát sinh, lây nhiễm nhiều căn bệnh nguy hiểm như HIV/AIDS. Bị cáo là người đã trưởng thành, biết hành vi chứa mại dâm là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì hám lợi vẫn cố ý thực hiện, do vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, thuộc trường hợp định khung hình phạt tại điểm c khoản 2 điều 327 Bộ luật hình sự.

- Trong giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, không chấp hành các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, thể hiện sự coi thường pháp luật, do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo hiện là người cao tuổi; gia đình bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên được xem xét áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

- 01 (một) bao cao su Vip (đã qua sử dụng); 01 (một) nệm mút kích thước 1m2x200m và 01 (một) gối màu xanh hoa là công cụ, phương tiện các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc đã tiêu hủy là phù hợp quy định pháp luật.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia C1, màu đen, của bị cáo, do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; số tiền 800.000 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính nên cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

- 01 (một) Sim số 0942138884 do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Trả lại cho Phạm Thị D 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobi Star, màu trắng, có sim số 0166222984; không liên quan đến hành vi chứa mại dâm nên trả lại cho Phạm Thị Diệu.

* Đối với hành vi "Môi giới mại dâm", quá trình điều tra không xác định được thời gian, địa điểm và người mua dâm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an

huyện Xuân Lộc không có căn cứ để xử lý đối với Phạm Thị M về hành vi này là phù hợp quy định của pháp luật.

* Đối với hành vi mua bán dâm của Nguyễn Văn L, Phạm Thị D, Lâm Thị Kim N1 và Nguyễn Thị Hồng O, Công an huyện Xuân Lộc đã ra Quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Thị M** phạm tội "*Chứa mại dâm*".

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị M: 05** *(Năm)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2021, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/11/2014 đến ngày 10/12/2014.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: Số tiền **800.000 đồng** *(Tám trăm ngàn đồng)* theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 23403 ngày 22/02/2022 của Kho bạc Nhà nước Xuân Lộc; **01** *(một)* điện thoại di động hiệu Nokia C1, màu đen theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Sim số 0942138884 theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

+ Trả lại **01** (một) điện thoại di động hiệu Mobi Star, màu trắng, có sim số 0166222984 cho bà Phạm Thị Diệu theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Thị M được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp Tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Xuân Lộc;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Sương